

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Văn Cường
2. Bà Lê Thị Lan
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Cao Trần Khắc Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An
- ***Bị đơn:*** Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 08/11/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Do quen biết nên anh và chị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh L ngày 18/9/2008. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ với nhau nên không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Long N, sinh ngày 09/03/2009 và Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 15/7/2015. Ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. anh đồng ý giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Lê Thị Hồng N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn có tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Đ và chị Lê Thị Hồng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008. Anh Đ xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi nên không còn hạnh phúc. Vì vậy anh và chị đã ly thân nhau tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị. Theo xác nhận của Trưởng ấp ấp Gò thuyền, xã Tân Hưng thì việc anh Đ và chị N có sự bất đồng ý kiến và xung đột với nhau và đã sống ly thân Trong thời gian ly thân chị N cũng không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của anh Đ. Hơn nữa, anh Đ vẫn cương quyết xin ly hôn với chị N.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Đ có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Đ với chị N có hai con chung tên có Nguyễn Long N, sinh ngày 09/03/2009 và Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 15/7/2015. Anh Đ đồng ý giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng. Mặc khác hiện tại cháu Q cũng đang ở với chị N. Đối với cháu N anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản khai cháu N cũng có nguyện vọng ở với anh Đ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N và cháu Q, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, anh Đ không cấp dưỡng nuôi cháu Q, chị N cũng không có ý kiến gì về phần cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác và anh Đ cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Thành Đ được ly hôn với chị Lê Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 09/03/2009 cho anh Nguyễn Thành Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, do anh Đ chưa yêu cầu. Giao cháu Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 15/7/2015 cho chị Lê Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng anh Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q, do anh chị N chưa yêu cầu

Anh Nguyễn Thành Đ và chị Lê Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 000925 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh Đ đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn,
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nhật Trường

